



Phụ lục 1.
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Theo Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả
I	GIAI ĐOẠN 2026 - 2027		
1	Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ công	%	≥ 80
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	≥ 80
3	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100
4	Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Cấp độ	3
5	Tỷ lệ nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số được triển khai, đưa vào sử dụng thống nhất theo đúng lộ trình, kế hoạch	%	100
6	Tỷ lệ hồ sơ đã giải quyết đúng hạn	%	≥ 95
7	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	≥ 90
8	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	%	100%
9	Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết TTHC	%	$\geq 50\%$ (năm 2026)
10	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	%	90%
II	GIAI ĐOẠN 2028 - 2030		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả
1	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	%	≥ 95
2	Mức độ hài lòng đối với giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư	%	≥ 90
3	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	90
4	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	≥ 90
5	Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ công	%	90
6	Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Cấp độ	4
7	Tỷ lệ cơ quan nhà nước thực hiện cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn theo quy định	%	100
8	Xếp hạng về các Chỉ số: PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI, DTI, PII	Thứ hạng	PAR Index, PCI thuộc nhóm 10 địa phương dẫn đầu; SIPAS, PAPI, DTI, PII được duy trì, cải thiện bền vững
9	Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS)	%	≥ 95
10	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế	%	≥ 90
11	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập	%	≥ 90

Phụ lục 2.
MỘT SỐ NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM
GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030)

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
I	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
1	Rà soát hệ thống cơ chế, chính sách, quy định thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; đề xuất xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập, không còn phù hợp	Báo cáo rà soát, danh mục kiến nghị; văn bản, chính sách được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Hằng năm
2	Rà soát, nghiên cứu, tham mưu cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh phục vụ các lĩnh vực phát triển ưu tiên và khai thác hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù	Đề án, báo cáo, nghị quyết, quyết định, quy định được ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền	Các sở, ban, ngành theo lĩnh vực	Sở Tư pháp, Sở Tài chính; các cơ quan liên quan	2026-2030
3	Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Kế hoạch, Văn bản đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định liên quan	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
4	Đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; phát hiện, tổng hợp, xử lý	Kế hoạch, báo cáo theo dõi pháp luật; báo cáo kiến nghị	Sở Tư pháp	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
	hoặc kiến nghị xử lý vướng mắc pháp lý phát sinh trong vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	xử lý vướng mắc		cấp xã	
5	Tăng cường tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức, doanh nghiệp và địa phương về quy định pháp luật và khó khăn, vướng mắc pháp lý	Phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, xử lý, phản hồi đúng quy định; báo cáo kết quả	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Tư pháp	2026-2030
6	Triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao PCI và DDCI; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư	Chương trình/ Kế hoạch của UBND tỉnh; hội nghị đối thoại; báo cáo kết quả PCI, DDCI; kết quả xử lý kiến nghị	Sở Tài chính	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch; Sở Tư pháp, các cơ quan, địa phương	Hằng năm
II	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính ngay từ khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Kết quả đánh giá tác động, thẩm định quy định TTHC; văn bản được kiểm soát theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên
2	Rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không rõ ràng. Kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Phương án cắt giảm, đơn giản hóa; quyết định phê duyệt; văn bản thực thi; số liệu kết quả TTHC được cắt giảm	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Hằng năm

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
3	Rà soát, cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ mà dữ liệu đã có hoặc có thể khai thác từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; thực hiện “một lần khai báo, nhiều lần sử dụng”	Danh mục thành phần hồ sơ được cắt giảm; tỷ lệ khai thác, tái sử dụng dữ liệu tăng	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	2026 - 2030
4	Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước	TTHC nội bộ được cắt giảm, đơn giản hóa	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
5	Mở rộng hạ tầng, tiện ích thanh toán điện tử trong cung cấp dịch vụ công; kết nối đồng bộ với các hệ thống tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán	Các tiện ích được hoàn thiện; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt mục tiêu	Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh	2026-202
6	- Thực hiện số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC - Cấp kết quả điện tử và tái sử dụng dữ liệu	- Dữ liệu hồ sơ, kết quả được số hóa, cập nhật đầy đủ - Tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt mục tiêu	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh	Thường xuyên
7	Rà soát, hoàn thiện các quy định để nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp	Quy trình nội bộ, quy trình điện tử được phê duyệt/ cập nhật; thời gian, bước xử lý được tối ưu	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
8	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện TTHC, gắn với phân bổ nguồn lực, đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành theo hướng giảm việc giải quyết thủ tục của các cơ quan trung ương "Cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực"	Quyết định phân cấp	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
9	Tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý quản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, thủ tục hành chính; bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự và thời hạn	Phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, phân loại, xử lý, công khai theo quy định; tỷ lệ xử lý đúng hạn đạt mục tiêu	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
10	Tăng cường kiểm tra trách nhiệm công vụ trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công	Kế hoạch/Báo cáo kiểm tra; kiến nghị và kết quả khắc phục sau kiểm tra	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm
11	Đo lường, phân tích và cải thiện mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC; trọng tâm các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư	Báo cáo khảo sát/ đo lường; kế hoạch, giải pháp khắc phục; mức độ hài lòng đạt mục tiêu	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hàng năm
III	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY				
1	Rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan	Quyết định, quy định, đề án/phương án tổ chức được	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ tham mưu định, tham mưu UBND tỉnh chức	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
	hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	ban hành hoặc phê duyệt		năng, nhiệm vụ	
2	Tiếp tục sắp xếp tinh gọn đầu mối tổ chức bên trong; khắc phục chồng chéo, trùng lắp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ	Phương án/ quyết định sắp xếp; số đầu mối được kiện toàn	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ thẩm định, tham mưu UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ	2026-2030
3	Rà soát, hoàn thiện phân cấp, phân quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã gắn với nguồn lực, trách nhiệm giải trình, kiểm tra, giám sát	Quy định/ phương án phân cấp, phân quyền; phương án nguồn lực; báo cáo kiểm tra	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	2026-2030
4	Sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở y tế và doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý	- Đề án, quyết định của cấp có thẩm quyền - Kết quả sắp xếp theo mục tiêu, lộ trình	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế chủ trì xây dựng các Đề án, phương án	Sở Nội vụ thẩm định, tham mưu UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ	Theo tiến độ Trung ương và của tỉnh
5	Tăng cường kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền và tổ chức bộ máy; kịp thời chấn chỉnh, xử lý bất cập	Kế hoạch/báo cáo kiểm tra; kiến nghị, kết quả xử lý	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính	Hàng năm
IV	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
1	Rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm và khung năng lực; cập nhật khi chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy thay đổi	Danh mục/ đề án vị trí việc làm được phê duyệt, điều chỉnh theo quy định	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ thẩm định, tham mưu UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ	2026-2027 và cập nhật thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
				vụ	
2	Bố trí, sử dụng, tuyển dụng, điều động cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, năng lực và yêu cầu nhiệm vụ	Kết quả bố trí, sử dụng, tuyển dụng theo quy định; nhân lực phù hợp vị trí việc làm	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Sở Nội vụ	Thường xuyên
3	Đổi mới đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả, sản phẩm công việc; nghiên cứu áp dụng KPI phù hợp với từng nhóm vị trí việc là	Quy định/ hướng dẫn; công cụ và kết quả đánh giá; mô hình KPI phù hợp	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030
4	Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm và khung năng lực	Kế hoạch, chương trình, tài liệu và các lớp bồi dưỡng	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	2026 - 2030
5	Đào tạo, bồi dưỡng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số và quản trị dữ liệu	Kế hoạch, chương trình; các lớp bồi dưỡng; kết quả thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị, địa phương	2026 - 2030
6	Tổ chức thực hiện Quy định số 07-QĐ/TU, ngày 12/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao	Văn bản triển khai; kết quả theo dõi, xem xét trách nhiệm theo quy định	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương	2026 -2030
7	Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến	Cơ chế, chính sách, văn bản	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
	khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung	triển khai; kết quả thực hiện, biểu dương, khen thưởng		Công nghệ; các cơ quan liên quan	
V	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính; hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	Phương án tự chủ; văn bản hướng dẫn/ triển khai; kết quả thực hiện	Sở Tài chính	Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị, địa phương	2026-2030
2	Hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá, giá dịch vụ	Danh mục, định mức, đơn giá, giá dịch vụ được ban hành/ hoàn thiện theo quy định	Các sở, ban, ngành theo lĩnh vực	Sở Tài chính, UBND cấp xã	2026 - 2030
3	Rà soát, triển khai cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo	Báo cáo/ đề án; cơ chế, chính sách; kết quả xã hội hóa	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
4	Thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo hướng tập trung, không dàn trải; nâng cao hiệu quả và tiến độ giải ngân vốn đầu tư công	- Kế hoạch đầu tư công; kết quả thực hiện mục tiêu giảm số dự án theo Nghị quyết của HĐND tỉnh - Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm theo mục tiêu của tỉnh	Sở Tài chính	Các chủ đầu tư; các cơ quan, đơn vị, địa phương	2026 - 2030
5	Rà soát, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị	Phương án/ quyết định xử lý; tài sản được bố trí, quản	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
	hành chính	lý, sử dụng đúng quy định		vị, địa phương	
6	Hoàn thiện hệ thống tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên; phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; tăng công khai, minh bạch ngân sách	Nghị quyết/ quy định; báo cáo công khai ngân sách	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	2026 và cập nhật theo quy định
7	Xây dựng và triển khai chính sách cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh vay vốn tại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh giai đoạn 2026-2030, phát huy vai trò vốn môi của ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực ngoài ngân sách vào các lĩnh vực ưu tiên	Nghị quyết của HĐND tỉnh và các văn bản triển khai; chính sách được tổ chức thực hiện theo quy định	Sở Tài chính	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	2026 và triển khai 2026-2030
VI	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ				
1	- Xây dựng, hoàn thiện và đưa vào khai thác Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Khánh Hòa - Xây dựng danh mục dữ liệu dùng chung	- Kho dữ liệu dùng chung được vận hành - Dữ liệu từ hệ thống chuyên ngành được tích hợp - Danh mục dữ liệu dùng chung được ban hành/ cập nhật	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030
2	- Chuẩn hóa, làm sạch, số hóa và đồng bộ dữ liệu; ưu tiên tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai, đầu tư, xây dựng	- Bộ dữ liệu được chuẩn hóa/ làm sạch - Tỷ lệ khai thác, tái sử	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
	- Nâng cao khả năng khai thác, tái sử dụng dữ liệu	dung dữ liệu tăng theo mục tiêu			
3	Mở rộng các dịch vụ dữ liệu trên Trung tâm IOC tỉnh phục vụ chỉ đạo, điều hành	Các dịch vụ được tích hợp trên Trung tâm IOC tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030
4	- Nâng cấp, cập nhật Hệ thống GIS Khánh Hòa - Phát triển nền tảng dữ liệu không gian dùng chung	- Hệ thống GIS Khánh Hòa được nâng cấp - Dữ liệu không gian dùng chung được cập nhật, khai thác	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, địa phương, các đơn vị sự nghiệp và tổ chức có liên quan	2026-2030
5	Xây dựng, hoàn thiện Nền tảng số dùng chung cấp xã phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành, xử lý nghiệp vụ và kết nối dữ liệu	- Nền tảng số dùng chung cấp xã được đưa vào khai thác - Dashboards và quy trình số được vận hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, địa phương, các đơn vị sự nghiệp và tổ chức có liên quan	2026-2030
6	Xây dựng và đưa vào sử dụng nền tảng số phục vụ quản trị và chỉ đạo điều hành tỉnh Khánh Hòa	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng yêu cầu xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành; UBND cấp xã, các đơn vị sự nghiệp và tổ chức có liên quan	2026-2030
7	Xây dựng, hoàn thiện và đưa vào sử dụng ứng dụng tương tác phục vụ người dân tỉnh Khánh Hòa	Ứng dụng cung cấp các tính năng, dịch vụ, tiện ích số cho người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức; khách du lịch,	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành; UBND cấp xã, các đơn vị sự nghiệp và tổ chức có liên quan	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
		nhà đầu tư			
8	Duy trì nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và bộ, ngành Trung ương	Hệ thống LGSP, VDXP và kết nối liên thông hoạt động ổn định; dữ liệu được kết nối, chia sẻ theo nhu cầu và quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030
9	Phát triển và công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước theo tiêu chuẩn, quy định	- Danh mục và bộ dữ liệu mở được công bố, cập nhật - 100% cơ quan nhà nước thực hiện cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn theo mục tiêu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	2026-2030
10	Vận hành hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC), phòng chống mã độc tập trung; tăng cường giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố và kết nối hệ thống giám sát cấp quốc gia	- Hệ thống SOC hoạt động ổn định - Báo cáo giám sát, cảnh báo và xử lý sự cố - Kết nối dữ liệu an toàn thông tin duy trì thường xuyên	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030
11	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và Trung tâm dữ liệu tỉnh, bảo đảm năng lực lưu trữ, xử lý, sao lưu, phục hồi và vận hành các hệ thống thông tin dùng chung	Hạ tầng kỹ thuật, Trung tâm dữ liệu tỉnh được nâng cấp bảo đảm năng lực, tính sẵn sàng, an toàn và khả năng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành, địa phương, các đơn vị sự nghiệp và tổ chức có liên quan	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
		mở rộng			
12	Nâng cao mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu của tỉnh	Đạt cấp độ 3 giai đoạn 2026-2027 và cấp độ 4 giai đoạn 2028-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	2026-2030
13	- Nghiên cứu, thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công - Xây dựng nguyên tắc sử dụng an toàn, có kiểm soát	Mô hình thí điểm, hướng dẫn/ quy trình sử dụng; báo cáo đánh giá hiệu quả và kiến nghị nhân rộng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan	2027-2030
14	Triển khai Đề án Phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030	Mạng lưới chuyên gia được hình thành, vận hành theo Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 12/8/2026 của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	2026-2030
VII	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH				
1	Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm, theo dõi, đôn đốc và đánh giá tiến độ thực hiện Kế hoạch giai đoạn	Kế hoạch hằng năm; báo cáo quý, 6 tháng, năm; dữ liệu theo dõi tiến độ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hằng năm
2	Nâng cấp, phát triển Hệ thống quản lý, theo dõi và đánh giá cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa	Hệ thống được nâng cấp, phát triển thành nền tảng tập trung, tích hợp dữ liệu phục vụ theo dõi, giám sát, chấm điểm, đánh giá kết quả cải	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
		cách hành chính; hỗ trợ tổng hợp, kiểm tra, báo cáo, khảo sát mức độ hài lòng và cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành			
3	Tổ chức đo lường sự hài lòng, khảo sát, phân tích phản hồi của người dân, tổ chức; theo dõi việc khắc phục các nội dung chưa hài lòng	Báo cáo SIPAS/ khảo sát; dữ liệu phân tích; kế hoạch, báo cáo khắc phục	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; đơn vị sự nghiệp liên quan	Hàng năm
4	Nâng cao năng lực đội ngũ tham mưu cải cách hành chính; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và duy trì mạng lưới đầu mối cải cách hành chính	Kế hoạch, chương trình, lớp tập huấn; mạng lưới đầu mối được củng cố	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hàng năm
5	Kiểm tra cải cách hành chính có trọng tâm; trọng điểm; tăng cường kiểm tra đột xuất và theo dõi việc khắc phục sau kiểm tra	Kế hoạch, báo cáo/ thông báo kết luận kiểm tra; kết quả khắc phục	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì lĩnh vực CCHC; cơ quan, địa phương được kiểm tra	Hàng năm
6	Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính; phát hiện, đánh giá và nhân rộng mô hình, sáng kiến cải cách hành chính hiệu quả	Kế hoạch/ sản phẩm truyền thông; danh mục mô hình, sáng kiến được công nhận/ nhân rộng	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, cơ quan báo chí, truyền thông	Hàng năm
7	Gắn kết quả cải cách hành chính với đánh giá người đứng đầu, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng theo quy định	Quy định/ hướng dẫn, kết quả đánh giá; hồ sơ thi đua, khen thưởng có sử dụng kết quả cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan chủ trì tham mưu triển khai	Cơ quan thực hiện, phối hợp	Thời gian
8	Theo dõi, phân tích và tham mưu cải thiện PAR Index, SIPAS, PAPI, PCI, DDCI, DTI, PII theo phân công; tăng cường phối hợp liên ngành để xử lý các tiêu chí liên quan nhiều cơ quan	Kế hoạch/ báo cáo phân tích; giải pháp cải thiện; kết quả các chỉ số được duy trì, nâng cao	Các cơ quan được giao chủ trì từng chỉ số	Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan	Hàng năm

Ghi chú:

1. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm cụ thể hóa nhiệm vụ, tiến độ, chỉ tiêu và sản phẩm đầu ra trong kế hoạch hằng năm; chủ động rà soát, đề xuất điều chỉnh khi có thay đổi về chủ trương, quy định của Trung ương hoặc yêu cầu thực tiễn, bảo đảm hoàn thành mục tiêu của Kế hoạch.
2. Các nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên không liệt kê tại Phụ lục này tiếp tục được các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quy định hiện hành.
3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động cụ thể hóa, triển khai các mô hình, sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính phù hợp với điều kiện thực tế; ưu tiên các giải pháp tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng phục vụ, dịch vụ công trực tuyến, quản trị dữ liệu và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp.
4. Trường hợp cơ quan, đơn vị được sắp xếp, kiện toàn hoặc thay đổi tên gọi trong giai đoạn 2026 - 2030, cơ quan kế thừa chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao./.